

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 336/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26/4/2024
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Thân Trọng Hiền
- Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Vân;

Bà Nguyễn Thị Ngọc Thuý

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Lệ - CBTA.

Đại diện VKSND TP Quy Nhơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa Lý – Kiểm Sát Viên.

Trong ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn – tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 72/2024/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20/03/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 58/2024/QĐST-HNGĐ ngày 08/4/2024 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Võ Thị Như M, sinh năm 1973

Địa chỉ: Thôn T, xã X, huyện Đ, tỉnh P.

*** Bị đơn:** Anh Lê Văn N, sinh năm 1967

Địa chỉ: Tổ 6, khu vực 6, p. N, TP. Q, tỉnh B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn chị Võ Thị Như M trình bày:** Chị M và anh N tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân Quang 2, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên năm 1996. Sau kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường xảy ra cãi vã, vợ chồng không tự hàn gắn được, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 1997 đến nay. Nay chị M thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn anh N để ổn định cuộc sống.

Vợ chồng có 01 con chung tên: Lê Thị Diễm M, sinh năm 1996, hiện nay trên 18 tuổi, sức khỏe bình thường nên chị không yêu cầu gì.

Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Hiện nay chị và anh N không có nợ chung.

Bị đơn anh Lê Văn N được Tòa tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập hợp lệ để anh N đến tòa khai báo, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh N không đến tòa. Tại phiên tòa hôm nay anh N vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn phát biểu việc tuân theo quy định pháp luật tố tụng Dân sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử.

Tại phiên tòa HĐXX, Thư ký thực hiện đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận đơn xin ly hôn của chị M đối với anh N;

Về án phí: Chị M phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ-ST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Võ Thị Như M có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn anh Lê Văn N mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS Tòa tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Ly hôn; Bị đơn đang cư trú tại tổ 6, khu vực 6, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định nên xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn theo quy định tại khoản 3 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nội dung: Chị M và anh N tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân Quang 2, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên năm 1996. Sau kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường xảy ra cãi vã, vợ chồng không tự hàn gắn được và đã sống ly thân từ năm 1997 đến nay. Nay chị M thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn anh N để ổn định cuộc sống

Theo biên bản xác minh ngày 28/02/2024 tại địa phương cung cấp: Chị M và anh N, có hộ khẩu thường trú tại KV6, P. Nhơn Phú, TP. Quy Nhơn, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một thời gian ngắn, sau đó vợ chồng mâu thuẫn như thế nào địa phương không biết.

HĐXX xét thấy: Mâu thuẫn giữa chị M và anh N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên HĐXX chấp nhận đơn xin ly hôn của chị M.

Quá trình chung sống chị M và anh N có 01 con chung tên: Lê Thị Diễm M, sinh năm 1996, hiện nay trên 18 tuổi, sức khỏe bình thường, chị không yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét.

Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[4] Về án phí: Chị M yêu cầu ly hôn anh N nên chị M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[5] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, Luật hôn nhân gia đình; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- 1- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Võ Thị Như M ly hôn anh Lê Văn N.
- 2- Về con chung: Chị M và anh N có 01 con chung tên Lê Thị Diễm M, sinh năm 1996 hiện nay trên 18 tuổi, sức khỏe bình thường, chị M không yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét.
- 3- Về tài sản chung: Chị M không yêu cầu, HĐXX không xem xét.
- 4- Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Chị M phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000477 ngày 30/01/2024 của chi cục thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn. Chị M đã nộp đủ án phí.

Chị M, anh N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã phường nơi cư trú.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Quy Nhơn;
- TAND tỉnh Bình Định;
- Đương sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Thân Trọng Hiền

